

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 27 -8-2022  
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,  
nuôi con và chia tài sản chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Kim Hoa**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Võ Thị Điệp**  
Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị N có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt* )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị N và anh H có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và tiến tới hôn nhân, chị N và anh H sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Cao Lãnh ngày 09/5/2012. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây (từ năm 2021) vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh H không có việc làm, thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm với vợ con. Anh H thường xuyên ghen không lý

do, đến chỗ làm việc của chị N để gây sự và quấy phá. Chị N và gia đình nhiều lần khuyên can nhưng anh H không thay đổi, nhiều lần đánh chị N. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian này không ai có ý hàn gắn tình cảm. Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Văn H1, sinh ngày 22/7/2012, Trần Thị Thùy L, sinh ngày 22/7/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 13/10/2018. Hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Văn bản ghi ý kiến con chung Trần Văn H1, Trần Thị Thùy L;
- Đơn xác nhận nơi cư trú, ngày 01/7/2022 có xác nhận của Công an Xã P, huyện Cao Lãnh.
- Giấy Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản sao y chứng thực);
- Trích lục khai sinh Trần Văn H1, sinh ngày 22/7/2012 (Bản sao);
- Trích lục khai sinh Trần Thị Thùy L, sinh ngày 22/7/2012 (Bản sao);
- Trích lục khai sinh Trần Văn H2, sinh ngày 13/10/2018 (Bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn Trần Văn H – Nguyễn Thị Thùy N, ngày đăng ký 09/5/2012 tại UBND xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 18/7/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy N về việc ly hôn với anh Trần Văn H, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, con chung và tài sản chung” theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định

tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy N về việc xin ly hôn với anh Trần Văn H là có căn cứ, bởi lẽ: chị N và anh H sống chung sống chung với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy N.

- Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung tên Trần Văn H1, sinh ngày 22/7/2012, Trần Thị Thùy L, sinh ngày 22/7/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 13/10/2018. Hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 03 con chung, đồng thời tại văn bản ý kiến của cháu H1, cháu L thì khi cha mẹ ly hôn cháu H1 và cháu L có nguyện vọng được sống chung với chị N, nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng: Chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tuy N không có yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

Anh Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ chung.

[4]. Về án phí:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009392 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn với anh Trần Văn H.
- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thùy N được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Trần Văn H1, sinh ngày 22/7/2012, Trần Thị Thùy L, sinh ngày 22/7/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 13/10/2018. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị N không có yêu cầu

Anh Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 0009392 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Kim Hoa**